| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SƠN DƯƠNG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **91/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2022
*"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Tuấn Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Cao Lâm

2. Bà Đỗ Thị Thanh Uyên

*Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đàm Quang C, sinh năm 1985.
- *Bị đơn:* Chị Bàng Thị G, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*( Anh Đàm Quang C và chị Bàng Thị G đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án anh Đàm Quang C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bàng Thị G vào ngày 09/01/2007. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng anh làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới vợ chồng anh về làm ăn và chung sống tại thôn T, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Vợ chồng anh cũng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn đi lại, quan tâm gì

đến nhau. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đàm Quốc N, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đàm Linh M, sinh ngày 03/9/2008. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 28/7/2022 chị Bàng Thị G trình bày:*

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa chị và anh Đàm Quang C như anh C trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2020. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau. Quan điểm của chị là tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị G xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đàm Quốc N, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đàm Linh M, sinh ngày 03/9/2008. Khi ly hôn do hiện nay chị đang phải đi làm ăn xa nhà nên chị nhất trí giao cả hai cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Chị Bàng Thị G xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Bàng Thị G đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lập các biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Quang C, xử cho anh Đàm Quang C được ly hôn với chị Bàng Thị G. Giao cháu Đàm Quốc N, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đàm Linh M, sinh ngày 03/9/2008 cho anh Đàm Quang C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàng Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: anh C và chị G đều xác định không có nên không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đàm Quang C và chị Bàng Thị G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Đàm Quang C và chị Bàng Thị G đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của anh Đàm Quang C, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh C, chị G xác định: Anh Đàm Quang C và chị Bàng Thị G kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn T, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2020 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Chị G và anh C cũng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bản thân anh C xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị G cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh C là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Qúa trình giải quyết ly hôn anh Đàm Quang C có quan điểm muốn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Đàm Quốc N, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đàm Linh M, sinh ngày 03/9/2008 và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G cũng nhất trí giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Qúa trình xác minh tại địa phương thể hiện: Anh C và chị G có 02 con chung là cháu Đàm Quốc N, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đàm Linh M, sinh ngày 03/9/2008, hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng anh C. Bản thân cháu Đàm Quốc N và cháu Đàm Linh M cũng đều thể hiện nguyện vọng muốn được ở cùng anh C. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đàm Quốc N, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đàm Linh M, sinh ngày 03/9/2008 cho anh Đàm Quang C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàng Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh C và chị G đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Đàm Quang C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Bàng Thị G không phải nộp án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

***Xử:*** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Quang C về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Bàng Thị G.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đàm Quang C được ly hôn với chị Bàng Thị G.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Đàm Quốc N, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đàm Linh M, sinh ngày 03/9/2008 cho anh Đàm Quang C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàng Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Anh Đàm Quang C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002212 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bàng Thị G không phải nộp án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

| **CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |
|---|---|
| **Ngô Cao Lâm – Đỗ Thị Thanh Uyên** | **Lê Tuấn Linh** |

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Lê Tuấn Linh**